

Bản án số: 254 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 -5-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thuận

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên toà.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 108/2024/TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2024/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 4 năm 2024. Giữa:

-Nguyên đơn: Anh Trần Việt T, sinh năm:1993 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

-Bị đơn: Chị Hồ Kim N, sinh năm: 1996 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn anh Trần Việt T trình bày: anh và chị N tự tìm hiểu quen biết trước, tổ chức lễ cưới vào năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây, chị N thay đổi tính tình không còn quan tâm đến gia đình chồng con và bỏ nhà đi chơi lãng nhăng bên ngoài. Anh đã nhiều lần tha thứ và khuyên nhủ chị N quay về để vợ chồng hàn gắn lo cho con vì con còn quá nhỏ. Nhưng chị N không đồng ý và đã bỏ nhà đi sống với người khác cho đến nay. Nay xét thấy, anh và chị N không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị N. Về con chung, anh xác định giữa anh và chị N có một con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 21/03/2022. Hiện nay, con đang sống với anh, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Hồ Kim N trình bày: Chị xác định trình bày của anh T về kết hôn, con chung là đúng. Nay anh T ly hôn, trực tiếp nuôi dưỡng con chung chị đồng ý nhưng có yêu cầu được quyền tới lui thăm con. Về tài sản và nợ chung thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: anh Trần Việt T khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền nuôi con chung với chị Hồ Kim N nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và chị N với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Hồ Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành xét xử vắng mặt chị N có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Việt T và chị Hồ Kim N tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn đã được anh chị khắc phục nhưng không mang lại hiệu quả. Mặc khác, chị N cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng

quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị N.

[2.2] Về con chung, anh T và chị N cùng xác định anh chị có một con chung tên Trần Minh Khôi, sinh ngày 21/3/2022. Hiện nay cháu Khôi sống với anh T. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Tại bản khai, chị N cũng thống nhất giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nhưng yêu cầu được tới lui thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa anh T và chị N, chị N tự nguyện giao cháu Trần Minh Khôi, sinh ngày 21/3/2022 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Chị N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: anh T, chị N thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, do anh T và chị N thuận tình ly hôn nên anh T, chị N Hoài mỗi người phải nộp 50% án phí ly hôn là 150.000 đồng;

Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng anh T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 05784 ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Anh T, chị N nộp đủ không phải nộp thêm

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Việt T và chị Hồ Kim N

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh T: giao con chung Trần Minh Khôi, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2022 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh T. Chị N có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh T, chị N mỗi người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng anh T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005784 ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh T đã nộp đủ nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm), anh T được T ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10-5-2024), chị N được T kể từ ngày nhận được tổng dặt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương